**LỊCH BÁO GIẢNG – TUẦN 23**

**Từ ngày: 20/02/2023 đến 24/02/2023**

**Giáo viên: Hồ Thị Kim Loan**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ** | **Buổi** | **Môn**  | **Tiết** | **Tên bài dạy** |
| **HAI** | **SÁNG** | Chào cờ | 1 |  |
| Toán | 2 | Luyện tập |
| Tiếng việt | 3 | Bài 118: oam, oăm |
| Tiếng việt | 4 |  |
| **CHIỀU** | ÂN |  | Ôn bài hát: Bầu trời xanh |
| MT |  | Tạo khối cùng đất nặn |
| TNXH | 5 | Ôn tập và đánh giá chủ đề thực vật (tt) |
| **BA** | **SÁNG** | Tiếng việt | 1 | Bài 119: oan, oăn |
| Tiếng việt | 2 |  |
| Tập viết | 3 | Tập viết (sau bài 118, 119)  |
| Đạo đức | 4 | Lời nói thật |
| **TƯ** | **SÁNG** | Tiếng việt | 1 | Bài 120: oat, oăt |
| Tiếng việt | 2 |  |
| Toán | 3 | So sánh các số trong phạm vi 100 |
| TNXH | 4 | Cơ thể em |
| **NĂM** | **SÁNG** | Toán | 4 | Luyện tập |
| Tiếng việt | 2 | Bài 121: uân, uât |
| Tiếng việt | 3 |  |
| Kể chuyện | 2 | Bài 116: Kể chuyện Hoa tặng bà |
| HĐTN | 5 | Môi trường quanh em |
| **SÁU**  | **SÁNG** | Tập viết | 1 | Tập viết (sau bài 120, 121) |
| Tiếng việt | 3 | Bài 117: Ôn tập |
| TD |  |  |
| TD |  |  |
| HĐTT | 4 | Chuẩn bị hội diễn |

 **TUẦN 23**

Thời gian thực hiện: Thứ Hai ngày 20/2/2023

Toán: Bài 48. LUYỆN TẬP

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Thực hành nhận biết cấu tạo số có hai chữ số.

- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.

- Phát triển các NL toán học: NL tư duy và lập luận toán học.

**\* Dạy HS khuyết tật: - Thực hành nhận biết cấu tạo số có hai chữ số.**

**- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng chục - đơn vị đã kẻ sẵn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động mở đầu**- Cho HS chơi trò chơi “Bắn tên”, như sau:- Chủ trò nói: “Bắn tên, bắn tên”.- Cả lớp hỏi: “Tên gì, tên gì?”- Chủ trò nói: “Số ba mươi lăm”, mời bạn Lan.- Bạn Lan nói: “Số 35 gồm 3 chục và 5 đơn vị”.- Quá trình chơi cứ tiếp tục như vậy.2. Hoạt động thực hành, luyện tậpBài 1- Cho HS thực hiện các thao tác sau rồi nói cho bạn nghe, chẳng hạn, tranh a):+ Quan sát, nói: Có 41 khối lập phương.+ Viết vào bảng chục - đơn vị (đã kẻ sẵn ô trên bảng con hoặc bảng lớp).

|  |  |
| --- | --- |
| Chục | Đơn vị |
| 4 | 1 |

+ Nói: Số 41 gồm 4 chục và 1 đơn vị.- Làm tương tự với các câu b), c), d).Bài 2- Cho HS trả lời rồi chia sẻ với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả:a)Số 27 gồm 2 chục và 7 đơn vị.b)Số 63 gồm 6 chục và 3 đơn vị.c)Số 90 gồm 9 chục và 0 đơn vị.**Bài 3.** HS chơi trò chơi “Tìm số thích hợp” theo cặp hoặc theo nhóm:- Đặt lên bàn các thẻ ghi số. Quan sát các tấm thẻ ghi.- Quan sát các thẻ, ngầm chọn ra một số, đặt câu hỏi để bạn tìm đúng thẻ ghi số đó, chẳng hạn: số nào gồm 5 chục và l đơn vị.**Bài 4.** - Viết số thích hợp vào mỗi ô ? trong bảng rồi đọc số đó.- Chỉ vào số vừa viết nói cho bạn nghe, chẳng hạn: số có 1 chục và 3 đơn vị là số 13 hoặc số 13 gồm 1 chục và 3 đơn vị.3. Hoạt động vận dụng**Bài 5.** - Cho HS dự đoán xem có bao nhiêu quả chuối và đếm kiểm tra. Chia sẻ kết quả với bạn.4. Củng cố và nối tiếp- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?- Từ ngữ toán học nào em cần nhớ?- Về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống mọi người có dùng “chục” và “đơn vị” không. Sử dụng trong các tình huống nào. | - HS chơi trò chơi - HS thực hiện - HS trả lời rồi chia sẻ với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả:- HS đặt câu hỏi để đố bạn với các số khác, chẳng hạn: số 82 gồm mấy chục và mấy đơn vị?- HS nhặt thẻ số 51, nói: số 51 gồm 5 chục và l đơn vị.- HS thực hiện theo cặp hoặc theo nhóm:- HS thực hiện các thao tác:- HS thực hiện tương tự với quả xoài, quả thanh long, quả lê.- HS trả lời | **\* Dạy HS khuyết tật: - Thực hành nhận biết cấu tạo số có hai chữ số.****- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Thời gian thực hiện: Thứ Hai ngày 20/2/2023

**Tiếng Việt: oam - oăm** (2 tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết các vần **oam, oăm**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **oam, oăm**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **oam,** vần **oăm**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Mưu chú thỏ**.

- Viết đúng các vần **oam, oăm,** các tiếng **ngoạm**, (mỏ) **khoằm** cỡ nhỡ (trên bảng con).

**\* Dạy HS khuyết tật: - Nhận biết các vần oam, oăm; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần oam, oăm.**

**- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần oam, vần oăm.**

**- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc Mưu chú thỏ.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu, thẻ để HS viết ý lựa chọn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **TIẾT 1****1. Hoạt động mở đầu**- Ổn định – Hát**\* Ôn luyện**- GV gọi HS đọc bài: Bài học cho gà trống. **2. Hoạt động cơ bản****\* Hoạt động 1: Giới thiệu bài**Hôm nay các em học vần oam, oăm**\* Hoạt động 2: Chia sẻ và khám phá*****a) Dạy vần oam*** - GV giới thiệu vần **oam**./HS (cá nhân, cả lớp): **o - a - mờ - oam**. (Đây là vấn đầu tiên có mô hình “âm đệm + âm chính + âm cuối” mà HS được học, GV dạy kĩ để HS học những vần tiếp theo nhanh hơn.***b) Dạy vần oăm*** (như vần **oam**): Đánh vần, đọc trơn: *o - ă - mờ - oăm / khờ - oăm - khoăm - huyền - khoằm / mỏ khoằm.*\* Củng cố: Cả lớp đọc trơn các vần mới, từ khoá vừa học. **3. Hoạt động luyện tập** ***\** Hoạt động 1: Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần oam? Tiếng nào có vần oăm?).- GV chỉ từng từ : - GV chỉ từng từ***\** Hoạt động 2: Tập viết** (bảng con - BT 4) a) HS đọc các vần, tiếng vừa học: **oam, oăm, ngoạm, mỏ khoằm**. b) Viết vần: **oam, oăm**GV vừa viết vừa hướng dẫn cách nối nét giữa **o, a, m**. / Làm tương tự với vần **oăm**.c) Viết tiếng: n**goạm**, (mỏ) **khoằm**- GV vừa viết tiếng **ngoạm** vừa hướng dẫn. Chú ý chữ **g** cao 2,5 li, dấu nặng đặt dưới **a**. / Làm tương tự với **khoằm**, dấu huyền đặt trên **ă**. **TIẾT 2*****\** Hoạt động 3: Tập đọc** (BT 3)a) GV chỉ hình minh hoạ bài Mưu chú thỏ, giới thiệu: *hổ đang nhìn bóng mình dưới giếng, thỏ đứng trong bụi cây bên giếng nhìn ra.*b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: lang thang (đi đến chỗ này rồi lại đi chỗ khác, không dừng lại ở chỗ nào); giếng (hố đào sâu xuống lòng đất để lấy nước); sâu hoắm (rất sâu, không thấy đáy).c) Luyện đọc từ ngữ: d) Luyện đọc câu - GV: Bài đọc có mấy câu? (10 câu). - GV chỉ từng câu, HS đọc mẫu e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi đoạn 5 câu); thi đọc cả bài. g) Tìm hiểu bài đọc - GV nhắc HS không chơi gần giống hoặc hố sâu nguy hiểm. **4. Củng cố và nối tiếp:****-** Chỉ cho HS đọc lại một số câu trong bài đọc.- Dặn HS về đọc cho người thân nghe lại bài tập đọc.- GV nhận xét tiết học | - 2 HS tiếp nối nhau đọc - HS nhìn hình, nói: ngoạm./ Tiếng **ngoạm** có vần **oam**. / Phân tích vần **oam**: âm **o** đứng trước, âm **a** đứng giữa, **m** đứng cuối./ Đánh vần, đọc trơn: o - a - mờ - oam / ngờ - oam - ngoam - nặng - ngoạm / ngoạm.- 1 HS đánh vần, 1 tổ đánh vần: *nhồm nhoàm, sâu hoắm, ngoạm*. Chỉ từng câu cho cả lớp đọc trơn: *Dê nhai lá nhồm nhoàm,..*- HS đọc thầm từng câu, tìm tiếng có vần **oam**, vần **oăm**. /HS nói kết quả - Cả lớp nói: Tiếng **nhoàm** có vần **oam**. Tiếng **khoắm** có vần **oăm**...- 1 HS đọc vần oam, nói cách viết. - HS viết: **oam, oăm** (2 lần).- HS viết: **ngoạm**, (mỏ) **khoằm** (2 lần).- Theo dõi- Một vài HS đánh vần (nếu cần), cả lớp đọc trơn: mưu, nộp mạng, đến lượt, buồn bã, lang thang, lòng giếng sâu hoắm, oàm, tiếng gầm, lao xuống, hết đời.- 1 HS, cả lớp. - Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền câu 4 và 5; câu 7 và 8). - 1 HS đọc trước lớp nội dung BT. - HS viết ý mình chọn lên thẻ. / HS giơ thẻ. / Đáp án: Ý b đúng. - Thực hành: 1 HS hỏi- cả lớp đáp (không nói ý b, chỉ nói câu trả lời):+1 HS: Vì sao hổ tự lao đầu xuống giếng? + Cả lớp: (Ý b) Vì nó tưởng dưới giếng có con hổ khác.  | **\* Dạy HS khuyết tật: - Nhận biết các vần oam, oăm; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần oam, oăm.** **- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần oam, vần oăm.** **- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc Mưu chú thỏ.** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Thời gian thực hiện: Thứ Hai ngày 20/2/2023

**Âm nhạc: ÔN TẬP BÀI HÁT : THẬT ĐÁNG YÊU**

 **NGHE NHẠC: CHIẾC ĐỒNG HỒ**

 **TRẢI NGHIỆM VÀ KHÁM PHÁ: TẠO RA ÂM THANH CAO- THẤP THEO SƠ ĐỒ.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nghe nhạc: Biết vận động cơ thể phù hợp với nhịp điệu bản nhạc Chiếc đồng hồ.

- Đọc nhạc: Đọc đúng tên nốt, đọc đúng cao độ và trường độ một số mẫu âm với nốt Đô, Mi, Son , La theo kí hiệu bàn tay.

**II**. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

\* **GV :**

+ Máy nghe và băng, đĩa nhạc, bài hát Thật đáng yêu, bản nhạc Chiếc đồng hồ

+ Tờ giấy trắng, màu sáp...vẽ bài tập tạo âm thanh theo sơ đồ.

+ Thực hành các hoạt động trải nghiệm và khám phá.

+ Nhạc cụ đàn,song loan,trống con….

\* **HS:**

+ Sách học,thanh phách.

**III**. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động mở đầu****2. Hoạt động cơ bản****\* Hoạt động 1: Ôn tập bài THẬT ĐÁNG YÊU**- GV cho học sinh hát nghe lại bài hát kết hợp vỗ tay gõ đệm NC gõ nhịp nhàng theo nhịp - GV cho HS hát cùng nhạc đệm bài hát 1-2 lần , tập lấy hơi và thể hiện sắc thái tươi vui tươi trong sáng của bài hát.- GV cho HS hát kết hợp với động tác vận động phụ họa nhẹ nhàng.- GV làm mẫu động tác cho HS quan sát sau đó cho lớp đứng lên làm từng động tác phụ họa theo sự hướng dẫn của GV. *Câu 1*: Dậy đi…bạn ơi : chụm 2 bàn tay để lên vai, nghiêng người sang phải, trái.*Câu 2:* Chim ….trời: 2 bàn tay khum trước miệng, nghiêng đầu sang bên trái, phải như chim hót.*Câu 3*: Dậy...chơi: chống 2 tay vào hông , giậm chân theo nhịp*Câu 4*: Cùng….cười: 2 tay giơ cao qua đầu vẫy nhẹ.Câu 5: Mẹ....xinh: 1 tay chống hông, 1 tay chỉ ngón, chân nhún theo nhịp. Câu 6: Như...một mình :2 tay để dưới cằm nghiêng đầu sang phải ,trái.Câu 7: Mẹ...vệ sinh: 1 tay chống hông, 1 tay chỉ ngón, chân nhún theo nhịp.  Câu 8:Thật...tinh : 2 tay khoanh trước ngực, chân nhún theo nhịp- GV cho cả lớp làm vài lần.- GV cho luyện tập theo nhóm bằng các hình thức: tốp ca, nhóm, tam ca, song ca.- GV mời một vài nhóm lên trình bày - GV cho một học sinh có năng khiếu trình bày lại . GV gọi HS nhận xét. GV  nhận xét tuyên dương **\* Hoạt động 3:  NGHE NHẠC: CHIẾC ĐỒNG HỒ**- GV giới thiệu tên bản nhạc và tác giả Chiếc đồng hồ- trích đoạn bản nhạc của Lơ-roi An-đơ –sơn- GV mở băng nhạc cho HS nghe lần 1- Các em thấy bản nhạc có vui nhộn không?- Chúng ta thấy trong bản nhạc giúp chúng ta liên tưởng tới đồ vật nào?- GV nhận xét và kết luận: Chiếc đồng hồ luôn rất cần thiết đối với mỗi chúng ta. Đồng hồ giúp chúng ta biết giờ giấc để làm việc đi học cho đúng. Và bản nhạc trên những tiếng kêu của rất nhiều chiếc đồng hồ vang lên đó các em ạ.- GV cho HS nghe tiếp bản nhạc- Chúng ta nghe xem đó là tiếng kêu của chiếc đồng hồ nào?- Chúng ta còn nghe thấy âm thanh của nhạc cụ nào?- GV cho HS đứng lên cầm khăn , nghe nhạc và vận động cơ thể phù hợp với nhịp điệu bản nhạc.Động tác 1: Chuẩn bị 2 tay chắp hông, chân nhún nhịp nhàng.ĐT 2: Bước chân nhịp nhàng, tay vẫy khăn sang 2 bên ĐT 3:Đứng tại chỗ ,2 tay cầm 2 đầu khăn, đung đưa người sang phải, trái, tạo vòng tròn xoay ĐT 4: tung khăn lên cao rồi đỡ khăn, xoay khăn (3-4 lần)- GV cho HS thực hiện tư thế thoải mái, HS chú ý nghe nhạc và làm theo đúng nội dung bản nhạc.GV nhận xét tuyên dương**\* Hoạt động 4: TRẢI NGHIỆM VÀ KHÁM PHÁ: TẠO RA ÂM THANH CAO- THẤP THEO SƠ ĐỒ** **-** GV giới thiệu hoạt động trải nghiệm và khám phá:Tạo ra âm thanh cao thấp theo sơ đồ - GV yêu cầu HS quan sát sơ đồ trong SGK Trang 48 - GV làm mẫu:GV dùng âm U kết hợp thế tay lên cao xuống thấp chuyển động của âm thanh- GV cho HS thực hiện tạo âm thanh cao- thấp bằng âm U - GV cho HS thực hành từng nhóm làm tại chỗ tạo âm thanh cao thấp như sơ đồ SGK- GV viết 1 sơ đồ khác lên bảng hoặc viết vào tờ giấy A4 giơ lên cho HS quan sát. GV dùng âm O, E, A... để làm với tốc độ nhanh, chậm..- GV gọi các nhóm làm . GV nhận xét.- GV cho HS chơi trò chơi: Hãy làm cùng tôi1 HS lên bảng vẽ sơ đồ và làm sau đó mời cá nhân hoặc bàn, nhóm, dãy làm. Nếu ai làm tốt đúng sẽ chiến thắng được ngồi xuống, ai thua cuộc sẽ lò cò quanh lớp.- GV nhận xét –tuyên dương**3. Củng cố và nối tiếp:**- GV chốt lại mục tiêu của tiết học và khen ngợi các em có ý thức tập luyện, chú ý lắng nghe.- Về nhà xem lại bài và chuẩn bị bài kế tiếp | - HS thực hiện gõ đệm theo phách- HS hát cả bài hát đúng sắc thái- HS quan sát- HS luyện tập một số động tác theo hướng dẫn của GV.- HS thực hiện theo- Cả lớp thực hiện tốt động tác GV dạy- HS thực hiện tốt câu 7- HS thực hiện tốt câu 8- Các nhóm trình bày- HS nhận xét bạn- HS lắng nghe- HS quan sát và lắng nghe- HS trả lời: Vui nhộn- Chiếc đồng hồ- HS nghe- Cả lớp chú ý nghe- Kim giây. Đồng hồ quả lắc...- Kèn- HS đứng lên vận động theo nhạcHS quan sát GV làm và làm theo- HS thực hiện- Cả lớp cùng làm với khăn- HS quan sát sơ đồ- Cả lớp nghe và cùng thực hiện âm thanh cao- thấp- Các nhóm trình bày- HS quan sát- HS thực hiện- Cá nhân lên làm - Cả lớp chơi trò chơi  |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

**===========================**

Thời gian thực hiện: Thứ Hai ngày 20/2/2023

**Bài 12. TẠO KHỐI CÙNG ĐẤT NẶN (tiết 1+ tiết 2)**

**I/ MỤC TIÊU**

1. **Phẩm chất**

Bài học góp phần bồi dưỡng ở HS các phẩm chất như đức tính chăm chỉ, trách nhiệm giữ gìn vệ sinh trường lớp,... thông qua một số biểu hiện và hoạt động cụ thể sau:

- Tích cực tham gia các hoạt động học tập, sáng tạo sản phẩm.

- Biết vệ sinh lớp học, vệ sinh cá nhân, đồ dùng, dụng cụ học tập sau khi thực hành.

- Thẳng thắn trao đổi, nhận xét sản phẩm; biết bảo quản sản phẩm, trân trọng sản phẩm mĩ thuật do mình, do bạn và người khác tạo ra.

1. **Năng lực**

Góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

***2.1.Năng lực mĩ thuật***

- Nhận biết được khối cầu (khối tròn), khối lập phương, khối trụ,...

- Tạo được khối cầu, khối lập phương, khối trụ từ đất nặn; biết liên kết các khối đã tạo ra để tạo sản phẩm theo ý thích. Bước đầu biết thể hiện tính ứng dụng của sản phẩm như làm đồ chơi, đồ trang trí,...

Biết trưng bày, giới thiệu, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn/nhóm.

***2.2. Năng lực chung***

 Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, đất nặn để học tập; chủ động thực hành, tích cực tham gia thảo luận.

* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Cùng bạn trao đổi, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng đất nặn và dụng cụ đế thực hành tạo khối, tạo sản phẩm.

***2.3. Năng lực đặc thù khác***

* Năng lực ngôn ngữ: Thông qua trao đổi, thảo luận và giới thiệu, nhận xét,... sản phẩm.
* Năng lực thể chất: Thể hiện sự khéo léo của đôi bàn tay khi thực hiện các thao tác lấy đất, nặn đất, cắt gọt đất để tạo khối.
* Năng lực tính toán: Thể hiện có khả năng cân nhắc tạo các bộ phận, chi tiết khác nhau có kích thước phù hơp ở sản phẩm.

**II/ CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN**

1. **Học sinh:** SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành Mĩ thuật 1; các vật liệu, công cụ,... như mục Chuẩn bị ở SGK và sưu tầm sẵn có ở địa phương theo GV đã hướng dẫn.
2. **Giáo viên:** Đất nặn các màu, dao nhựa cắt đất, bìa giấy làm đế xoay, khăn lau; một số khối cơ bản sẵn có và khối làm từ đất nặn, sản phẩm được ghép bởi các khối cơ bản, hình ảnh minh hoạ nội dung bài học; máy tính, máy chiếu hoặc ti vi.

**III/ PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU**

1. **Phương pháp dạy học:** Trực quan, quan sát, gợi mở, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề,...
2. **Kĩ thuật dạy học:** Động não, bể cá, tia chớp,...
3. **Hình thức tổ chức dạy học:** Làm việc cá nhân/nhóm, thảo luận nhóm.

 **IV. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động dạy của giáo viên** | **Hoạt động học của học sinh** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động mở đầu**GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua:- GV kiểm tra sĩ số.- Gợi mở HS giới thiệu những vật liệu, đồ dùng,... đã chuẩn bị.- Kích thích HS tập trung vào hoạt động khởi động.**Hoạt động 2: Khởi động:**- Nêu vấn đề dựa trên cách sử dụng trực quan sinh động như: Sử dụng một số miếng bìa màu hình vuông, tròn, tam giác, chữ nhật,... GV vừa ghép các miếng bìa màu đế tạo hình khối cơ bản vừa kết hợp gợi mở cho HS nêu tên các hình khối GV đã ghép được, từ đó liên kết giới thiệu nội dung bài học.**Hoạt động 3: Tổ chức HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ***1. ***Hoạt động quan sát, nhận biết***
2. *Nhận biết khối cơ bản*

- Tổ chức HS quan sát hình ảnh trang 54 SGK (hoặc do GV chuẩn bị trình chiếu) kết hợp sử dụng các hình, khối, yêu cầu HS thảo luận và trả lời câu hỏi:+ Em có biết tên của khối này không?+ Mỗi khối có đặc điểm gì?+ Điểm khác nhau giữa các khối?+ Những nét nào nổi bật ở mỗi khối?- GV gợi nhắc:+ Tên và đặc điểm các khối.+ Gợi mở HS nhận ra khác nhau giữa các khối.+ Liên hệ sự tương đồng của các khối với một số đồ vật dạng khối, ví dụ: quả địa cầu, hộp chè khô, chiếc nón lá, quả bóng, quả cam,...1. *Nhận biết khối cơ bản ở sản phẩm trong đời sống*

- Tổ chức cho HS quan sát hình ảnh trang 55 SGK (phần Quan sát, nhận biết) Gợi mở HS:+ Nhận ra hình dạng của khối ở mỗi sản phẩm.+ Sự kết hợp của các khối ở một số sản phẩm.+ Liên hệ một số khối với các đồ vật xung quanh, như: bàn, ghế, hộp phấn, cốc/ ca uống nước,...- GV tóm tắt:+ Khối lập phương, khối cầu, khối trụ là những khối cơ bản.+ Trong thiên nhiên, trong cuộc sống có nhiều hình ảnh, đồ vật có hình dạng giống với các hình dạng của khối cơ bản.- GV sử dụng câu hỏi gợi mở, nêu vấn đề,... để kích thích HS mong muốn thực hành sáng tạo với các khối cơ bản. Ví dụ: Các em có muốn tạo khối lập phương, khối trụ, khối cầu,... từ đất nặn? Em sẽ ghép khối nào với nhau để tạo sản phẩm theo ý thích? Làm cách nào để chúng ta tạo được các khối này? Em sẽ tạo ra sản phẩm nào từ các khối này?1. ***Hoạt động thực hành, sáng tạo và thảo luận***
2. *Tìm hiểu cách thực hành tạo khối*

- GV tổ chức HS làm việc nhóm và giao nhiệm vụ:+ Quan sát hình minh hoạ trang 55 SGK, phần Cách tạo khối từ đất nặn.+ Nêu thứ tự các bước thực hành tạo khối cầu, khối lập phương, khối trụ từ đất nặn.- GV giới thiệu minh hoạ các bước chính:- Chọn đất, chọn màu đất để tạo màu cho mỗi khối.- Thực hiện lần lượt các bước như hình minh hoạ ở mỗi khối trongtrang 55 SGK.***Lưu ý:*** Trong hướng dẫn HS cách thực hành, GV cần tạo sự tương tác với HS, kết hợp giảng giải, phân tích một số thao tác cơ bản như: vê tròn, lăn dọc, ước lượng kích thước các cạnh của khối lập phương,...; cách sử dụng đất nặn, dao cắt đất,...- GV có thế gợi mở HS ghép hai khối lập phương để tạo nên khối hình chữ nhật, ghép nhiều khối vuông các màu khác nhau tạo thành khối rubic,...1. *Thực hành, sáng tạo*

a) Tổ chức HS tạo các khối cơ bản- GV tổ chức HS theo nhóm học tập, yêu cầu:+ HS thực hành cá nhân: Vận dụng cách tạo các khối cơ bản ở trang 55 SGK, để tạo các khối cơ bản cho riêng mình.+ HS thảo luận nhóm: Mỗi HS quan sát các bạn trong nhóm thực hành, cùng trao đổi với bạn về quá trình thực hành, như: lựa chọn đất, màu đất, kích thước, đặc điểm của từng khối,...- GV quan sát HS thực hành, nắm bắt các thông tin HS trao đổi, kĩ năng HS thực hành,... và gợi mở, nêu câu hỏi với HS (cá nhân/nhóm, toàn lớp) có thể hồ trợ HS (nếu cần thiết); hướng dẫn HS cách bảo đảm vệ sinh trong thực hành, khích lệ HS tương tác với các bạn:+ Quan sát các bạn trong nhóm, trong lớp thực hành.+ Nêu câu hỏi hoặc tham vấn ý kiến của bạn: Các khối vừa tạo được có tên là gì? Màu sắc của khối đó?...+ Đưa ra nhận xét/ý kiến, về màu sắc, hình dạng, kích thước,... đối với các sản phẩm trong nhóm/của bạn.***Lưu ý:*** Căn cứ thực tiễn hoạt động của HS, GV có thể vận dụng tình huống có vấn đề để thử thách, gợi mở HS vượt qua trong thực hành, sáng tạo.b) Tổ chức HS tạo sản phẩm nhóm và thảo luận.- GV gợi mở HS một số cách tạo sản phẩm nhóm từ khối của mỗi cá nhân HS thông qua hình ảnh trực quan SGK hoặc sản phẩm sưu tầm của GV, kết hợp gợi mở HS chia sẻ, lựa chọn. Ví dụ:*+ Cách 1:* Ghép hai khối vuông để tạo khối hình chữ nhật.*+ Cách 2:* Ghép khối trụ với khối cầu tạo hình cây (GV lưu ý HS màu sắc của hai khối sao cho gần với màu sắc của cây).*+ Cách 3:* Ghép khối lập phương với khối trụ tạo chiếc bánh gato.*+ Cách 4:* Ghép khối cầu, khối lập phương và khối trụ tạo chiếc ô tô tải (Hình minh hoạ trang 56 SGK).*+ Cách 5:* Từ một khối thêm một số chi tiết tạo hình con vật, đồ vật, món ăn,... (Hình minh hoạ trang 56 SGK).- GV gợi mở các nhóm trao đổi, chia sẻ vận dụng sản phẩm. Ví dụ: Sản phẩm của nhóm em có thể trưng bày hoặc trang trí ở đâu?1. ***Hoạt động trưng bày sản phẩm và cảm nhận, chia sẻ***

- Tuỳ vào không gian lớp học, GV có thể tổ chức HS trưng bày sản phẩm trên bục bệ, mặt bàn hoặc cầm trên tay.- GV tổ chức cho HS quan sát sản phẩm của các cá nhân/các nhóm, gợi mở HS nhớ lại quá trình thực hành như: tìm hiểu cách tạo khối, cách liên kết các khối trên từng sản phẩm của nhóm, tham gia thảo luận,...- GV tổ chức cho HS trao đổi, chia sẻ cảm nhận dựa trên một số gợi ý sau:+ Em thích sản phẩm của ai/nhóm nào?+ Có những hình khối nào ở sản phẩm của nhóm em hoặc nhóm bạn?+ Sản phẩm của em/nhóm em có gì khác với sản phẩm của các bạn/các nhóm khác?+ Trong các sản phẩm trưng bày, khối nào do em tạo ra?+ Để tạo thành sản phẩm của nhóm, em và các bạn đã làm như thế nào?+ Em có cách nào khác để tạo thêm sản phẩm từ các khối cầu, khối lập phương, khối trụ?GV đánh giá kết quả thực hành sáng tạo, gợi mở HS liên hệ với thực tiễn và ý tưởng sáng tạo các sản phẩm mới bằng những cách khác.**Hoạt động 4: Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung *Vận dụng***Gợi mở HS nhận ra cách tạo khối, cách liên kết khối tạo sản phẩm theo cách khác.- GV tổ chức HS quan sát hình ảnh minh hoạ SGK phần *Vận dụng,* trang 56 SGK và gợi mở HS nêu cách tạo sản phẩm khác từ khối đất nặn.- Nếu thời lượng cho phép, GV có thể giới thiệu cách thực hành và khuyến khích HS thực hiện ở nhà (nếu HS thích).**\*Hoạt động 5: Tổng kết bài học**- GV tóm tắt nội dung chính của bài học (đối chiếu với mục tiêu đã nêu):+ Mỗi khối cơ bản như khối lập phương, khối cầu, khối trụ,... có hình dạng, cấu trúc khác nhau.+ Có nhiều cách để tạo khối cơ bản từ đất nặn, có thể liên kết các khối cơ bản để tạo sản phẩm theo ý thích.+ Từ các khối cơ bản có thể tạo ra nhiều khối khác.Nhận xét, đánh giá: ý thức học tập, sự chuẩn bị bài học và mức độ tham gia thảo luận, thực hành, của HS (cá nhân, nhóm, toàn lớp).**Hoạt động 6: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo**GV nhắc HS:- Xem và tìm hiểu trước nội dung Bài 13 SGK.- Chuẩn bị các đồ dùng, dụng cụ theo yêu cầu ở mục Chuẩn bị trong Bài 13 SGK: vật liệu có dạng khối, băng dính, hồ/keo dán,...Cần sưu tầm các vật liệu tái chế sẵn có ở gia đình, địa phương. | Ổn định trật tự, thực hiện theo yêu cầu của GVTập trung chuẩn bị dụng cụ học tập.- Thảo luận, trả lời câu hỏi.- Nêu đúng tên các hình khối.- Quan sát hình ảnh.- Thảo luận cặp đôi hoặc nhóm.- Trả lời câu hỏi.- HS trả lời các câu hỏi theo ý kiến cá nhân, nhận xét câu trả lời của bạn và đưa ra ý kiến của mình.- Liên hệ với các đồ vật đã biết.- Quan sát hình ảnh.- Thảo luận.- Lắng nghe và tương tác với GV.- Lắng nghe và trả lời câu hỏi.- Quan sát hình.- Thảo luận nhóm.- Đại diện các nhóm HS trình bày.- Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.- Lắng nghe yêu cầu của GV và thực hiện.- Thảo luận nhóm.- Đại diện các nhóm HS trình bày.- Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.- Trả lời câu hỏi. - Lắng nghe yêu cầu của GV và thực hiện.- Thảo luận nhóm.- Đại diện các nhóm HS chia sẻ trước lớp.- Thực hiện theo yêu cầu của GV.- Trưng bày sản phẩm theo nhóm- Quan sát sản phẩm của các cá nhân/các nhóm.- Trao đổi, chia sẻ cảm nhận dựa trên một số gợi ý của GV.- Quan sát hình ảnh minh hoạ SGK phần *Vận dụng,* trang 56 SGK.- Có ý tưởng tạo ra sản phẩm khác và chia sẻ với bạn/nhóm.- Lắng nghe, tương tác với GV. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Thời gian thực hiện: Thứ Hai ngày 20/2/2023

**TNXH: ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ**

**CHỦ ĐỀ THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT ( Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

 **1. Yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng:**

 Sau bài học HS đạt được:

***\* Về nhận thức khoa học:***

- Hệ thống lại được các kiến thức đã học về chủ đề thực vật và động vật, tên, các bộ phận, lợi ích, chăm sóc, giữ an toàn.

- Những việc nên làm để chăm sóc cây trồng và vật nuôi.

***\* Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:***

- Làm một bộ sưu tập về cây, con vật qua việc quan sát, sưu tầm trong tự nhiên và sách báo.

***\* Về vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học:***

- Có ý thức chăm sóc và bảo vệ cây trồng vật nuôi.

**2. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Có ý thức giữ gìn và chăm sóc cây cối

- Chăm chỉ: Có thói quen cho bản thân

**3. Năng lực:**

**3.1 Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề: Biết cách chăm sóc và bảo vệ cây cối, vật nuôi

- Năng lực giao tiếp hợp tác: Sử dụng lời nói phù hợp với các thành viên trong lớp học khi thảo luận hoặc trình bày ý kiến.

Nhân ái: yêu thương , tôn trọng bạn bè, thầy cô

**3.2 Năng lực đặc thù:**

- Năng lực nhận thức khoa hoc: Học sinh biết cách giữ gìn và bảo vệ cây cối và động vật.

- Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội: Làm quen cách quan sát, ghi chép, trình bày kết quả.

- Năng lực vận dụng: Vận dụng kiến thức bài học để tự đánh giá bản thân.

**\* Dạy HS khuyết tật: - Những việc nên làm để chăm sóc cây trồng và vật nuôi.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. GV: Phiếu bài tập

2. HS: Sách giáo khoa, bút màu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động mở đầu**- Cho cả lớp hát mộ bài**2. Hoạt động cơ bản****\* Hoạt động 4: Tự đánh giá: Em đã làm gì để chăm sóc và bảo vệ cây?**\* Cách tiến hành: - GV phát cho mỗi học sinh một phiếu đánh giáPhiếu 1:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Những việc em đã làm | Em tự đánh giá |
| 1 | Em cùng bố mẹ trồng cây ở nhà |  |
| 2 | Hằng ngày em chăm sóc và tưới cây |  |
| 3 | Em cùng bố mẹ xới đất, nhổ cỏ cho cây. |  |
| 4 | Cắt tỉa cây trong chậu vườn |  |
| 5 | Em không ngắt hoa bẻ cành nơi công cộng |  |
| 6 | Em không giẫm lên cỏ, cây xanh nơi công cộng. |  |
| … |  |  |

- Gv theo dõi và hướng dẫn.**\* Hoạt động 5: Tự đánh giá: Em đã làm gì để chăm sóc và bảo vệ các con vật?**\*Cách tiến hành:- GV phát cho mỗi học sinh một phiếu đánh giá:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Những việc em đã làm |  Em tự đánh giá |
| 1 | Em không đánh đập vật nuôi |  |
| 2 | Hằng ngày em cho vật nuôi của em ăn và chăm sóc chúng |  |
| 3 | Em cùng bố mẹ cho vật nuôi đi tiêm phòng. |  |
| 4 | Em cùng bố mẹ che ấm cho vật nuôi vào mùa đông và tắm mát cho chúng vào mùa hè. |  |
| 5 | Em cùng gia đình và khuyên mọi người thả động vật hoang dã về nơi sống của chúng, không ăn thịt chúng. |  |
| … |  |  |

- GV theo dõi hướng dẫn**\* Hoạt động 6: Tự đánh giá: Em đã làm gì để giữ gìn an toàn cho bản thân khi tiếp xúc với một số cây và con vật.**\*Cách tiến hành- Mỗi Hs được phát 1 phiếu đánh giá.Phiếu 3: Tự đánh giá việc em đã làm để giữ an toàn cho bản thân khi tiếp xúc với cây và các con vật.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Những việc em đã làm | Em tự đánh giá |
| 1 | Em không đánh đập kéo đuôi vật nuôi |  |
| 2 | Em không đùa nghịch trước các con vật to lớn như Trâu , Bò,…. |  |
| 3 | Em không chọc tổ ong, kiến…. |  |
| 4 | Em không ngắt hoa bẻ cành cây. |  |
| 5 | Em không tự ăn lá, quả chín mọc bên đường hay trong rừng…. |  |
| … |  |  |

- GV theo dõi hướng dẫn.**3.** **Củng cố và nối tiếp**- Bài học hôm nay em biết thêm được điều gì?- Nhận xét giờ học- Về nhà các em ôn lại bài học và chuẩn bị trước cho bài học sau. | - Hs viết hoặc vẽ những việc đã làm để chăm sóc và bảo vệ cây xanh của mình bằng cách:+ Vẽ mặt cười nếu em tự đánh giá là mình làm tốt+ Vẽ mặt thường nếu em tự đánh giá là mình làm khá tốt.+ Vẽ mặt mếu nếu em tự đánh giá mình chưa làm tốt.- Hs viết hoặc vẽ những việc mình đã làm để chăm sóc và bảo vệ các con vật bằng cách.+ Vẽ mặt cười nếu em tự đánh giá là mình làm tốt+ Vẽ mặt thường nếu em tự đánh giá là mình làm khá tốt.+ Vẽ mặt mếu nếu em tự đánh giá mình chưa làm tốt.- HS viết hoặc vẽ những việc mình đã làm để thực hiện việc giữ an toàn cho bản thân khi tiếp xúc với một số cây và con vật bằng cách:+ Vẽ mặt cười nếu em tự đánh giá là mình làm tốt+ Vẽ mặt thường nếu em tự đánh giá là mình làm khá tốt.+ Vẽ mặt mếu nếu em tự đánh giá mình chưa làm tốt. | **\* Dạy HS khuyết tật: - Những việc nên làm để chăm sóc cây trồng và vật nuôi.** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

Thời gian thực hiện: Thứ Ba ngày 21/2/2023

**Tiếng Việt: oan - oat** (2 tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS nhận biết các vần **oan, oat**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **oan, oat**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **oan**, vần **oat**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Đeo chuông cổ mèo**.

- Viết đúng các vần **oan, oat**, các tiếng (máy) **khoan**, (trốn) **thoát** cỡ nhỡ (trên bảng con).

**\* Dạy HS khuyết tật: - HS nhận biết các vần oan, oat; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần oan, oat.**

**- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần oan, vần oat.**

**- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc Đeo chuông cổ mèo.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

- Phiếu khổ to, thẻ để HS viết ý lựa chọn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **TIẾT 1****1. Hoạt động mở đầu**Ổn định – Hát**\* Ôn luyện**- 1 HS trả lời câu hỏi: Vì sao hổ tự lao đầu xuống giếng? **2. Hoạt động cơ bản****\* Hoạt động 1: Giới thiệu bài**Hôm nay các em học vần oan, oat**\* Hoạt động 2: Chia sẻ và khám phá** ***a) Dạy vần oan*** - GV viết: **o, a, n** / HS: **o - a - nờ - oan.*****b) Dạy vần oat*** (như vần **oan**) Đánh vần, đọc trơn: *o - a - tờ - oat/ thờ - oat - thoat - sắc - thoát / trốn thoát.* \* Củng cố: Cả lớp đọc trơn các vần, từ khoá: *oan, máy khoan, oat, trốn thoát*. **3. Hoạt động luyện tập** ***\** Hoạt động 1: Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **oan**? Tiếng nào có vần **oat**?)- GV chỉ từng từ ngữ cho HS - GV chỉ từng tiếng, cả lớp: Tiếng **hoạt** có vần **oat**. Tiếng **oản** có vần **oan**,...***\** Hoạt động 2: Tập viết** (bảng con - BT 4) a) HS đọc các vần, tiếng vừa học: b) Viết vần: **oan, oat**- GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn cách viết, cách nồi nét giữa **o, a** và **n**. / Làm tương tự với vần **oat**. Chú ý chữ **t** cao 1,5 li.b) Viết từ: **máy khoan, trốn thoát**- GV vừa viết mẫu tiếng khoan vừa hướng dẫn cách viết, độ cao các con chữ, cách nối nét. / Làm tương tự với **thoát**, chú ý dấu sắc đặt trên **a**. **TIẾT 2****\* Hoạt động 3: Tập đọc** (BT 3)a) GV chỉ hình minh hoạ truyện Đeo chuông cổ mèo, chỉ hình chuột nhắt, chuột già, bầy chuột, mèo và cái chuông.b) GV đọc mẫu; kết hợp giải nghĩa từ: vuốt (móng nhọn, sắc, cong của một số loài động vật như hổ, báo, mèo, diều hâu, đại bàng).c) Luyện đọc từ ngữ: d) Luyện đọc câu- GV cùng HS đếm số câu; chỉ từng câu ( hoặc chỉ liền hai câu lời nhân vật) cho HS đọc vỡ.- GV chỉ từng câu (chỉ liền 2 câu lời nhân vật) cho HS đọc vỡ. e) Thi đọc theo vai người dẫn chuyện, chuột nhắt, chuột già)- GV tô 3 màu trong bài đọc trên bảng lớp đánh dấu những câu văn là lời người dẫn chuyện, lời chuột nhắt, lời chuột già.- (Làm mẫu) 3 HS giỏi (mỗi HS 1 vai) đọc mẫu. - Từng tốp 3 HS phân vai luyện đọc trước khi thi. - GV khen những HS, tốp HS nhập vai tốt, đọc đúng lượt lời, biểu cảm. g) Tìm hiểu bài đọc**4. Củng cố và nối tiếp:****-** Chỉ cho HS đọc lại một số câu trong bài đọc.- Đọc cho người thân nghe lại bài tập đọc. | - 2 HS tiếp nối nhau đọc 2 đoạn của bài Mưu chú thỏ. - HS nói: máy khoan. Tiếng **khoan** có vần **oan**. / Phân tích vần **oan**: âm **o** đứng trước, **a** đứng giữa, **n** đứng cuối. / Đánh vần, đọc trơn: o - a - nờ - oan / khờ - oan - khoan / máy khoan.(cá nhân, cả lớp) đánh vần, đọc trơn: **phim hoạt hình, đĩa oản,...**- HS đọc thầm, làm bài. - HS báo cáo kết quả tìm tiếng có vần **oan**, vần **oat**. - HS đọc: *oan, oat, máy khoan, trốn thoát.*- 1 HS đọc vần oan, nói cách viết. - HS viết bảng con: **oan, oat** (2 lần). - HS viết: (máy) **khoan**, (trốn) **thoát** (2 lần).- 1 vài HS đánh vần, cả lớp đọc trơn: đeo chuông, thoát, vuốt mèo, gật gù, dám nhận, khôn ngoan, rất hay.- Đọc tiếp nối từng câu (đọc liên 2 câu lời nhân vật) (cá nhân, từng cặp). - Một vài tốp thi đọc. - Cuối cùng, cả lớp đọc đồng thanh cả bài (đọc nhỏ). - 1 HS đọc nội dung BT. - HS làm bài, viết ý lựa chọn (a hay b) lên thẻ. / HS giơ thẻ báo cáo kết quả. / Đáp án: Ý a đúng.- Thực hành: 1 HS hỏi - cả lớp đáp + 1 HS: Vì sao kế của chuột nhắt không thực hiện được: + Cả lớp: (Ý a) Vì chuột đến gần sẽ bị mèo vồ.  | **\* Dạy HS khuyết tật: - HS nhận biết các vần oan, oat; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần oan, oat.** **- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần oan, vần oat.** **- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc Đeo chuông cổ mèo.** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Thời gian thực hiện: Thứ Ba ngày 21/2/2023

**TẬP VIẾT Sau bài: oam, oăm, oan, oat**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Viết đúng các vần **oam, oăm, oan, oat**, các từ ngữ **ngoạm, mỏ khoằm, máy khoan, trốn thoát**

- kiểu chữ viết thường, cỡ vừa và cỡ nhỏ. Chữ rõ ràng, đều nét.

**\* Dạy HS khuyết tật: - Viết đúng các vần oam, oăm, oan, oat, các từ ngữ ngoạm, mỏ khoằm, máy khoan, trốn thoát**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ viết vần, từ ngữ trên dòng kẻ ô li.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động mở đầu**Ổn định – Hát**2. Hoạt động cơ bản****\* Giới thiệu bài**Hôm nay các em viết vần **oam, oăm, oan, oat**, **3. Hoạt động luyện tập** ***a) Viết chữ cỡ nhỡ***- GV hướng dẫn HS viết từng vần, từ ngữ. Chú ý độ cao các con chữ, cách nối nét, vị trí đặt dấu thanh (*ngoạm, mỏ khoằm, máy khoan, trốn thoát*).- HS viết vào vở Luyện viết. ***b) Viết chữ cỡ nhỏ*** - GV hướng dẫn HS viết. Chú ý độ cao các con chữ: g, k, h, y: 2,5 li; t cao 1,5 li. **4. Củng cố và nối tiếp:**- Tuyên dương những bạn viết nắn nót, sạch đẹp. | - HS đọc các vần và từ ngữ (cỡ nhỡ) trên bảng: *oam, ngoạm; oăm, mỏ khoằm; oan, máy khoan; oat, trốn thoát.*- Cả lớp đọc các từ ngữ (cỡ nhỏ): *ngoạm, mỏ khoằm, máy khoan, trốn thoát.* - HS viết vào vở Luyện viết, hoàn thành phần Luyện tập thêm.. | **\* Dạy HS khuyết tật: - Viết đúng các vần oam, oăm, oan, oat, các từ ngữ ngoạm, mỏ khoằm, máy khoan, trốn thoát** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Thời gian thực hiện: Thứ Ba ngày 22/2/2022

**Đạo đức: BÀI 10.  LỜI NÓI THẬT (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS cần đạt được các yêu cầu sau:

- Nhận biết  được một số biểu hiện của lời nói thật.

- Nhận diện tình huống có vấn đề liên quan đến việc cần nói thật.

- Giải thích được vì sao phải nói thật.

**\* Dạy HS khuyết tật: - Nhận biết  được một số biểu hiện của lời nói thật.**

**- Nhận diện tình huống có vấn đề liên quan đến việc cần nói thật.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SGK *Đạo đức 1.*

- Câu chuyện của giáo viên về việc đã dũng cảm hói thật (nếu có).

- Clip câu chuyện “Cậu bé chán cừu”.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động mở đầu**- Nói dối có tác hại gì? Nêu ví dụ. Cùng bạn chơi trò “Đoán xem ai nói thật?”. GV hướng dẫn HS cách chơi:+ GV mời một nhóm 4- 6 HS lên tham gia trò chơi.  Nhóm chơi chọn đồ vật cất giấu. + Nhóm chơi cử một bạn là người đoán người nào nói thật để tìm đồ vật được cất giấu.  Người đoán sẽ được bịt kín mắt lại.  Sau đó, những người chơi còn lại thống nhất nơi cất giấu đồ vật và cử một bạn là người nói đúng vị trí cất giấu, còn những người khác nói sai vị trí cất giấu. + Nhóm HS chơi trò chơi.  Sau khi tháo bịt mắt ra, người đoán sẽ đặt câu hỏi  cho các bạn chơi (ví dụ: Bút giấu ở đâu?).  Các bạn chơi đưa ra các câu trả lời khác nhau, trong đó chỉ có một người nói đúng vị trí cất giấu đồ vật.  Người đoán sẽ phải quan sát nét mặt, cử chỉ, giọng nói của các bạn chơi và đoán xem ai là người nói thật để từ đó tìm ra đúng vị trí cất giấu đồ vật. - Sau khi chơi xong, GV có thể đặt câu hỏi cho các HS tham gia trò chơi, ví dụ:+ Tại sao em lại đoán là bạn đó nói thật?+ Những dấu hiệu nào của bạn khiến em cho rằng bạn đã không nói thật?GV dẫn HS vào bài học.**2. Hoạt động cơ bản****\*Hoạt động 1: Kể chuyện theo tranh “Cậu bé chăn cừu”*****Cách tiến hành:***GV nêu yêu cầu của hoạt động. - HS quan sát từng bức tranh, nêu nội dung chính trong mỗi bức tranh. - HS kể chuyện theo nhóm đôi. - GV gọi 1, 2 nhóm HS kể lại câu chuyện trước lớp. - HS bình chọn nhóm kể chuyện hay. - GV khen ngợi những HS/nhóm HS kể tốt. - GV có thể kể lại rõ ràng câu chuyện**\* Hoạt động 2: Thảo luận*****Cách tiến hành:***- GV lần lượt nêu câu hỏi để HS trả lời:+ Vì sao khi chó sói xuất hiện, dân làng lại không đến giúp cậu bé?+ Nói thật mang lại điều gì?- HS đưa ra các câu trả lời trước lớp và khai thác các ý kiến được đưa ra. - HS nhận xét, bố sung câu trả lời (nếu có ý kiến bổ sung). GV tổng kết:+ Khi chó sói xuất hiện, dân làng lại không đến giúp cậu bé vì họ không còn tin những gì cậu bé nói là thật nữa.  Điều này là do trước đây cậu bé đã từng nói dối, trêu đùa họ. + Nói dối có rất nhiều tác hại.  Tác hại lớn nhất là làm mất niềm tin ở người khác, sẽ không nhận được sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết. + Nói thật giúp cho em có thể tạo được niềm tin, sự tôn trọng từ người khác và luôn nhận được sự giúp đỡ khi cần thiết. **3. Củng cố và nối tiếp**- GV nhận xét tiết học- GV khen ngợi và động viên, khuyến khích HS tiếp tục thực hiện | - HS lắng nghe- HS tham gia trò chơi- HS trả lời câu hỏi- HS quan sát tranh và nêu nội dung chính của mỗi bức tranh- 1 vài nhóm kể lại câu chuyện trước lớp- Bình chọn những nhóm kể hay- HS lắng nghe GV kể lại câu chuyện- HS trả lời câu hỏi - Các bạn khác nhận xét bổ sung- HS lắng nghe | **\* Dạy HS khuyết tật: - Nhận biết  được một số biểu hiện của lời nói thật.****- Nhận diện tình huống có vấn đề liên quan đến việc cần nói thật.** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Thời gian thực hiện: Thứ Tư ngày 21/2/2023

**Toán: Bài 49. SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- So sánh được các số có hai chữ số.

- Thực hành vận dụng so sánh số trong tình huống thực tiễn.

- Phát triển các NL toán học: NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

**\* Dạy HS khuyết tật: - So sánh được các số có hai chữ số.**

**- Thực hành vận dụng so sánh số trong tình huống thực tiễn**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Tranh khởi động.

- Bảng các số từ 1 đến 100.

- Các băng giấy đã chia ô vuông và ghi số như ở bài 1, 2, 3.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động mở đầu**- Cho HS *quan sát* tranh khởi động, nhận biết bối cảnh bức tranh. Chia sẻ theo cặp đôi những thông tin quan sát được (Theo em các bạn trong bức tranh đang làm gì? Nói cho bạn nghe suy nghĩ của mình).- GV chiếu *Bảng các số từ 1 đến 100* và giới thiệu bài2. Hoạt động cơ bản**\*Hoạt động 1: So sánh các số trong phạm vi 30**a) GV hướng dần HS cắt hai băng giấy ở *Bảng các số từ 1 đến 100,* ghép thành một băng giấy đặt trước mặt. GV gắn các băng giấy lên bảng như sau:b) Cho HS thực hiện lần lượt các thao tác (tô, nhận xét, nói, viết);+ Tô màu vào hai số trong phạm vi 10. Chẳng hạn: tô màu hai số 3 và 8.+ Quan sát, nhận xét. 3 đứng trước 8; 8 đứng sau 3.+ Nói: 3 bé hơn 8; 8 lớn hơn 3.+ Viết: 3 <8; 8 >3.GV chốt: 3 bé hơn 8; 3 < 8. 8 lớn hơn 3; 8 > 3.c) GV hướng dẫn HS tô màu vào hai số 14 và 17 và so sánh tương tự như trên:14 đúng trước 17; 14 bé hơn 17; 14 < 17.17 đứng sau 14; 17 lớn hơn 14; 17 > 14.d) GV hướng dẫn HS cắt thêm băng giấy thứ ba, rồi yêu cầu HS tô màu vào hai số 18 và 21 và so sánh tương tự như trên:18 đứng trước 21; 18 bé hơn 21; 18 < 21.21 đứng sau 18; 21 lớn hơn 18; 21 > 18.\*Hoạt động 2: So sánh các số trong phạm vi 60Thực hiện tương tự như so sánh các số trong phạm vi 30:- GV hướng dần HS cắt tiếp ba bảng giấy tiếp theo ở *Bảng các số từ 1 đến 100,* ghép thành một băng giấy đặt trước mặt. GV gắn băng giấy lên bảng:- GV chọn hai số, chẳng hạn 36 và 42, yêu cầu HS so sánh.- Cho HS nhận xét:36 đứng trước 42; 36 bé hơn 42; 36 < 42.42 đứng sau 36; 42 lớn hơn 36; 42 > 36\*Hoạt động 3: So sánh các số trong phạm vi 100Thực hiện tương tự như so sánh các số trong phạm vi 60:- GV gắn phần còn lại trong bảng các số đến 100 lên bảng (có thể không cần cắt rời)- GV khoanh tròn vào hai số, chẳng hạn 62 và 67, yêu cầu HS so sánh.3. Hoạt động thực hành, luyện tậpBài 1- Cho HS thực hiện các thao tác:a) Điền số còn thiếu vào băng giấy.b)So sánh các số theo các bước sau:**Bài 2.** Làm tương tự như bài 1.**Bài 3.** Làm tương tự như bài 1.4.Hoạt động vận dụngBài 4- Cho HS Quan sát tranh vẽ, nhận biết bối cảnh bức tranh, đếm số bông hoa mỗi bạn đang cầm, thảo luận với bạn xem ai có nhiều bông hoa nhất, ai có ít bông hoa nhất, giải thích.- GV gợi ý để HS nêu tên các bạn có số bông hoa theo thứ tự từ ít nhất đến nhiều nhất.- GV chữa bài, khuyến khích HS nêu tình huống so sánh số lượng các đồ vật trong cuộc sống.5.Củng cố, dặn dò- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?- Về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống việc so sánh các số trong phạm vi 100 được sử dụng trong các tình huống nào. | - HS *quan sát* tranh khởi động, nhận biết bối cảnh bức tranh. Chia sẻ theo cặp đôi những thông tin quan sát được- HS thực hiện- HS thực hiện- HS thực hiện - HS chọn hai số khác và so sánh tương tự như trên, viết kết quả vào phiếu học tập.- HS so sánh- HS chọn hai số khác và so sánh tương tự như trên, viết kết quả vào phiếu học tập.- HS nhận xét:62 đứng trước 67; 62 bé hơn 67; 62 < 67.67 đứng sau 62; 67 lớn hơn 62; 67 > 62.- HS chọn hai số khác và so sánh tương tự như trên, viết kết quả vào phiếu học tập.- HS thực hiện + Đọc yêu cầu: 11 18.+ Quan sát băng giấy, nhận xét: “11 đứng trước 18”, nói: “11 bé hơn 18”, viết “11 < 18”.- HS quan sát - Chia sẻ với bạn cách làm. Tương tự HS làm các phần còn lại. | **\* Dạy HS khuyết tật: - So sánh được các số có hai chữ số.****- Thực hành vận dụng so sánh số trong tình huống thực tiễn** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

 \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Thời gian thực hiện: Thứ Tư ngày 21/2/2023

**Tiếng Việt: oăn - oăt** (2 tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS nhận biết các vần **oăn, oăt**, đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **oăn, oăt**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **oăn,** vần **oăt**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Cải xanh và chim sâu**.

- Viết đúng các vần **oăn, oăt**, các tiếng (tóc) **xoăn**, (chỗ) **ngoặt** cỡ nhỡ (trên bảng con).

**\* Dạy HS khuyết tật: - HS nhận biết các vần oăn, oăt, đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần oăn, oăt.**

**- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần oăn, vần oăt.**

**- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc Cải xanh và chim sâu.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ viết nội dung BT đọc hiểu

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **TIẾT 1****1. Hoạt động mở đầu**Ổn định – Hát**\* Ôn luyện**- 1 HS trả lời câu hỏi: Vì sao kế của chuột nhắt không thực hiện được?**2. Hoạt động cơ bản****\* Hoạt động 1: Giới thiệu bài**Hôm nay các em học vần oăn, oăt**\* Hoạt động 2: Chia sẻ và khám phá*****a) Dạy vần oăn*** - GV viết: **o, ă, n**. / HS: **o - ă - nờ - oăn**.***b) Dạy vần oăt*** (như vần ***oăn***) Đánh vần, đọc trơn: *o - ă - tờ - oăt / ngờ - oăt - ngoăt - nặng - ngoặt / chỗ ngoặt.* \* Củng cố: Cả lớp đọc trơn các vần, từ khoá: *oăn, tóc xoăn; oăt, chỗ ngoặt*.**3. Hoạt động luyện tập** ***\** Hoạt động 1: Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tìm từ ngữ ứng với hình)- GV chỉ từng từ ngữ: - GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng **khoắt** có vần **oăt**. Tiếng **xoắn** có vần **oăn...** ***\** Hoạt động 2: Tập viết** (bảng con - BT 4) a) HS đọc các vần, tiếng vừa học: b) Viết vần: **oăn, oăt**- GV vừa viết vần **oăn** vừa hướng dẫn cách viết, cách nối nét giữa **o, ă, n**./ Làm tương tự với vần **oăt**.c) Viết tiếng: (tóc) **xoăn**, (chỗ) **ngoặt**- GV viết mẫu tiếng **xoăn**, hướng dẫn cách viết, cách nối nét từ **x** sang vần **oăn** / Làm tương tự với **ngoặt**, chú ý dấu nặng đặt dưới **ă**.**TIẾT 2*****\** Hoạt động 3: Tập đọc** (BT 3).a) GV chỉ hình, giới thiệu bài Cải xanh và chim sâu: chim sâu bay trên vườn cải, những cây cải được vẽ nhân hoá.b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: làu bàu (nói nhỏ trong miệng, vẻ khó chịu), oằn mình (cong mình lại để chống đỡ lũ sâu), mềm oặt (mềm, rũ xuống).c) Luyện đọc từ ngữ: sáng sớm, làu bàu, buồn bã, nào ngờ, oằn mình chống đỡ, ngoắt phải, ngoặt trái, rũ xuống, mềm oặt, thoăn thoắt.d) Luyện đọc câu - GV: Bài có mấy câu? - GV chỉ từng câu : e) Thi đọc 3 đoạn (xem mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn); thi đọc cả bài. g) Tìm hiểu bài đọc . - GV nêu YC; chỉ từng ý trong sơ đồ (trên bảng phụ), cả lớp đọc. - GV: Qua bài đọc, em biết gì về chim sâu? (Chim sâu rất có ích. Chim sâu bắt sâu bọ giúp cây lá tốt tươi).- HS làm trong VBT hoặc làm miệng, hoàn thành câu 2 và 4. **4. Củng cố và nối tiếp:****-** Chỉ cho HS đọc lại một số câu trong bài đọc.- Đọc cho người thân nghe lại bài tập đọc. | - 1 HS đọc bài Tập đọc Đeo chuông cổ mèo.- HS nhìn tranh, nói: tóc xoăn. Tiếng **xoăn** có vần **oăn**. / Phân tích vần oăn, tiếng xoăn. / Đánh vần, đọc trơn: o - ă - nờ - oăn / xờ - oăn - xoăn / tóc xoăn.- 2 HS cùng đánh vần, cả lớp đọc trơn: khuya khoắt, dây xoắn,.../HS đọc thầm, làm bài, nối hình với từ ngữ tương ứng. TH - 1 HS báo cáo: 1) khuya khoắt, 2) ngoắt đuôi... Cả lớp nhắc lại.**oăn, oăt, tóc xoăn, chỗ ngoặt**.- 1 HS đọc vần oăn, nói cách viết. - HS viết: **oăn, oăt** (2 lần).- HS viết: (tóc) **xoăn**, (chỗ) **ngoặt** (2 lần).- 11 câu- 1 HS đọc, cả lớp đọc. Đọc liền câu 2 và 3. - Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn). - 1 HS đọc kết quả. Cả lớp nhắc lại: (1) Cải xanh ngái ngủ, xua chim sâu đi. (2) Lũ sâu rủ nhau đến cắn cải xanh. (3) Chim sâu bay đến cứu cải xanh. (4) Từ đó, cải xanh và chim sâu thành bạn thân. | - HS nhận biết các vần **oăn, oăt**, đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **oăn, oăt**. - Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **oăn,** vần **oăt**. - Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Cải xanh và chim sâu**. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

 \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Thời gian thực hiện: Thứ Tư ngày 23/2/2022

TNXH: BÀI 14: CƠ THỂ EM ( Tiết 1) Thời gian thực hiện: Thứ Tư ngày 21/2/2023

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng:**

Sau khi học bài này, học sinh đạt được:

\*Về nhận thức khoa học:

- Xác định được tên, hoạt động của các bộ phận bên ngoài cơ thể

- Nhận biết được bộ phận riêng tư của cơ thể

- Nêu được những việc cần làm để giữ vệ sinh cơ thể và lợi ích của việc làm đó

\*Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh

- Phân biệt được con trai và con gái

- Tự đánh giá được việc giữ vệ sinh cơ thể

\*Về vận dụng kiến thưc, kĩ năng đã học

- Có ý thức giúp đỡ người có tay, chân không cử động được

- Có ý thức thực hiện giữ vệ sinh cơ thể hằng ngày

**2. Phẩm chất:**

-Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ cơ thể của mình.

- Chăm chỉ: Có thói quen cho bản thân

**3. Năng lực:**

**3.1. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề: Nêu được việc làm để giữ vệ sinh cơ thể

- Năng lực giao tiếp hợp tác: Sử dụng lời nói phù hợp với các thành viên trong lớp học khi thảo luận hoặc trình bày ý kiến.

-Nhân ái: yêu thương , tôn trọng bạn bè, thầy cô

**3.2. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực nhận thức khoa hoc: Xác định được tên, hoạt động của các bộ phận bên ngoài cơ thể; phân biệt được con trai và con gái

- Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội: Tự đánh giá được việc thực hiện giữ vệ sinh cơ thể

- Năng lực vận dụng: Thực hiện đúng các quy tắc giữ vệ sinh cơ thể

**\* Dạy HS khuyết tật: - Xác định được tên, hoạt động của các bộ phận bên ngoài cơ thể**

**- Nhận biết được bộ phận riêng tư của cơ thể**

**- Nêu được những việc cần làm để giữ vệ sinh cơ thể và lợi ích của việc làm đó**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

1.GV: Các hình trong SGK, video clip bài hát “Ô sao bé không lắc”, hình vẽ cơ thể con trai và con gái với đầy đủ các bộ phận bên ngoài của cơ thể (bao gồm cả cơ quan sinh dục ngoài của con trai và con gái)

2.HS: Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 1

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động mở đầu**- Ổn định-Giới thiệu bài: Cho HS nghe, hát và múa theo bài hát “Ồ sao bé không lắc” và dẫn dắt vào bài học**2. Hoạt động cơ bản****\*HĐ 1: Quan sát hình vẽ và nố tên các bộ phận bên ngoài của cơ thể**\* Các bước thực hiệnBước 1: Làm việc theo cặp- Học sinh quan sát các hình trong SGK trang 95, một HS chỉ vào từng bộ phận trên hình vẽ để hỏi và HS kia trả lời. Sau đó đổi lại cho nhau- GV hỗ trợ HS để các em xác định được tên một số bộ phận cơ thể tương đối có hệ thống. Bước 2: Làm việc cả lớp-Yêu cầu HS của cặp này đặt câu hỏi và chỉ định cặp khác trả lời ; nếu trả lời đúng sẽ được đặt câu hỏi cho cặp khác- GV rèn và chữa cho HS cách đặt câu hỏi và cách trả lời cho đúng- GV cho HS quan sát hình vẽ cơ thể em trai và em gái với đầy đủ các bộ phận bên ngoài của cơ thể (bao gồm cả cơ quan sinh dục ngoài của con trai và con gái) để trả lời câu hỏi:+ Cơ thể con trai và con gái khác nhau ở bộ phận nào?- GV giúp đỡ HS nhận biết và phân biệt được điểm giống và khác nhau giữa cơ thể con trai và con gái- GV cho HS đọc lời con ong trong SGK trang 95- Yêu cầu HS chỉ vùng riêng tư của cơ thể con trai và con gái trên hình vẽ.**\*HĐ 2: Trò chơi “Thi nói tên các bộ phận bên ngoài của cơ thể con trai hoặc con gái”**- GV nêu tên trò chơi- Nêu luật chơi, cách chơi: Tổ chức chia HS thành 2 nhóm lớn. Mỗi nhóm cử 1 nhóm trưởng, hai HS làm trọng tài ghi điểm cho hai đội. Lần lượt mỗi nhóm cử 1 người nói tên một bộ phận bên ngoài của cơ thể con trai hoặc con gáiCách cho điểm: Mỗi tên một bộ phận cơ thể được 1 điểm, riêng tên các bộ phận riêng tư của cơ thể được 2 điểm. Nhóm nào nói lại tên bộ phận cơ thể đã được nhắc đến sẽ bị trừ 1 điểm. Trong một khoảng thời gian cho phép, nhóm nào được điểm nhiều hơn là thắng cuộc.- Cho HS chơi- Nhận xét, tuyên dương**3.** **Củng cố và nối tiếp**- Bài học hôm nay em biết thêm được điều gì?- Yêu cầu HS nhắc lại tên các bộ phận để phân biệt con trai và con gái- Nhận xét giờ học- Về nhà các em ôn lại bài học và chuẩn bị trước cho bài học sau. | - Quan sát tranh và làm việc theo cặp theo yêu cầu của GV- Nêu tên các bộ phận của cơ thể con người. Ví dụ: ở đầu có tóc, tai, mắt, mũi, miệng, má...; tiếp đến là cổ, vai, gáy, ngực, bụn, lưng, mông; tay bao gồm cánh tay, khuỷu tay, bàn tay, ngón tay; chân bao gồm đùi, đầu gối, bàn chân, ngón chân.- Thực hiện theo yêu cầu- Làm việc dưới sự giúp đỡ của GV- Quan sát- Hầu hết các bộ phận của cơ thể con trai và con gái là giống nhau. Chỉ có bộ phận sinh dục của cơ thể mỗi người giúp phân biệt con trai và con gái. Ở con trai có dương vật và bìu. Ở con gái có âm hộ.- 2 HS đọc- Một vài HS lên chỉ- HS lắng nghe- Tiến hành chơi trò chơi- Nhận xét nhóm bạn- Biết được tên của các bộ phận bên ngoài cơ thể, bộ phận riêng tư của cơ thể- Con trai có dương vật và bìu, con gái có âm hộ- Lắng nghe- Lắng nghe và thực hiện | **\* Dạy HS khuyết tật: - Xác định được tên, hoạt động của các bộ phận bên ngoài cơ thể****- Nhận biết được bộ phận riêng tư của cơ thể****- Nêu được những việc cần làm để giữ vệ sinh cơ thể và lợi ích của việc làm đó** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

 \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Thời gian thực hiện: Thứ Năm ngày 22/2/2023

**Toán**: **Bài 50. LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- So sánh được các số có hai chữ số.

- Thực hành vận dụng so sánh số trong tình huống thực tế.

- Phát triển các NL toán học: NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

**\* Dạy HS khuyết tật: - So sánh được các số có hai chữ số.**

**- Thực hành vận dụng so sánh số trong tình huống thực tế.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng các số từ 1 đến 100.

- Các thẻ số 38, 99, 83 và một số thẻ số khác.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động mở đầu**- Chơi trò chơi “Đố bạn”:- GV chiếu *Bảng các sổ từ 1 đến 100.*2. Hoạt động thực hành, luyện tậpBài 1- Cho HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu (>, <, =) và viết kết quả vào vở.- Đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm. GV đặt câu hỏi để HS giải thích cách so sánh của các em.Bài 2- Cho HS lấy các thẻ số 38, 99, 83. Đố bạn chọn ra thẻ ghi số lớn nhất, số bé nhất rồi sắp xếp các thẻ số trên theo thứ tự từ bé đến lớn.Có thể thay bằng các thẻ số khác và thực hiện tương tự như trên.Bài 3- Cho HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì?- GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn về so sánh liên quan đến tình huống bức tranh.3. Hoạt động vận dụngBài 4a.Cho HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì?- GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn về các thông tin liên quan đến các số trong bức tranh.- Trong các số em vừa đọc ở câu a): số lớn nhất là số 50; số bé nhất là số 1; Số tròn chục bé nhất là số 10; số tròn chục lớn nhất là số 50.4. Củng cố và nối tiếp- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?- Để có thế so sánh hai số chính xác em nhắn bạn điều gì? | - HS chọn hai số bất kì trong bảng rồi đố bạn so sánh hai số đó.- HS suy nghĩ, tự so sánh - HS thực hiện - HS quan sát tranh thực hiện- HS đọc số điểm của mỗi bạn trong trò chơi thi tâng cầu rồi sắp xếp tên các bạn theo thứ tự số điểm từ lớn đến bé.- HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì?- HS đọc các số còn thiếu giúp nhà thám hiểm vượt qua chướng ngại vật. | **\* Dạy HS khuyết tật: - So sánh được các số có hai chữ số.****- Thực hành vận dụng so sánh số trong tình huống thực tế.** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

 \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Thời gian thực hiện: Thứ Năm ngày 22/2/2023

**Tiếng Việt: uân - uât** (2 tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết các vần **uân, uât**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **uân, uât**.

- Hoàn thành trò chơi: giúp thỏ đem cà rốt về kho tiếng chứa vần **uân**, vần **uât**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Cáo và gà**.

- Viết đúng các vần **uân, uất**, các tiếng **huân** (chương), (sản) **xuất** cỡ nhỡ (trên bảng con).

**\* Dạy HS khuyết tật: - Nhận biết các vần uân, uât; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần uân, uât.**

**- Hoàn thành trò chơi: giúp thỏ đem cà rốt về kho tiếng chứa vần uân, vần uât.**

**- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc Cáo và gà.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Thẻ để HS viết ý lựa chọn (BT đọc hiểu).

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **TIẾT 1****1. Hoạt động mở đầu**Ổn định – Hát\* Ôn luyện- Mời 2HS viết : (tóc) xoăn, (chỗ) ngoặt viết lớp viết bảng con: (tóc) xoăn, (chỗ) ngoặt**2. Hoạt động cơ bản****\* Hoạt động 1: Giới thiệu bài**Hôm nay các em học vần uân, uât**\* Hoạt động 2: Chia sẻ và khám phá*****a) Dạy vần uân*** - GV viết: **u, â, n**. HS: **u - â - nờ - uân**.***b) Dạy vần uât*** (như vần **uân**): Đánh vần, đọc trơn: u - â - tờ - uât / xờ - uât - xuât - sắc - xuất / sản xuất.*\* Củng cố:* Cả lớp đọc trơn các vần, từ khoá: uân, huân chương; uât, sản xuất. **3. Hoạt động luyện tập** ***\** Hoạt động 1: Mở rộng vốn từ** (BT 2: Giúp thỏ đem cà rốt về hai nhà kho cho đúng)- GV (đưa lên bên phải bảng hình ảnh trò chơi với 5 củ cà rốt từ; bên trái cũng lặp lại nội dung tương tự); nêu YC của trò chơi.- GV chỉ từng củ cà rốt: - GV chỉ từng từ, cả lớp: ***\** Hoạt động 2: Tập viết** (bảng con - BT 4). a) HS đọc các vần, tiếng: b) Viết vần: uân, uât- GV viết vần uân, hướng dẫn cách viết, viết dấu mũ trên â, cách nối nét. / Làm tương tự với vần uât.c) Viết tiếng: huân chương), (sản) xuất- GV viết mẫu tiếng huân, hướng dẫn. Chú ý chữ **h** cao 2,5 li, cách nối nét / Làm tương tự với xuất, dấu sắc đặt trên **â**. **TIẾT 2****\* Hoạt động 3: Tập đọc** (BT 3).a) GV chỉ hình minh hoạ bài Cáo và gà: gà bay vù lên cây trước mõm cáo, các bác nông dân cầm gậy đuổi theo cáo.b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: tuấn tú (khuôn mặt đẹp, thông minh, sáng sủa); uất (tức quá nhưng phải nhịn, không nói ra).c) Luyện đọc từ ngữ: d) Luyện đọc câu - GV: Bài đọc có 11 câu. - GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ (có thể đọc liền các câu 2, 3, 4, 5). - Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2, 3 câu lời nhân vật).e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (6 câu / 5 câu); thi đọc cả bài. g) Tìm hiểu bài đọc- GV nêu YC:- GV: Bài đọc khuyên các em điều gì? \* Cả lớp đọc 8 vần vừa học trong tuần (SGK, chân trang 50). **4. Củng cố và nối tiếp:****-** Chỉ cho HS đọc lại một số câu trong bài đọc.- Đọc cho người thân nghe lại bài tập đọc. | - 2 HS viết : (tóc) xoăn, (chỗ) ngoặt- HS nói: huân chương. Tiếng **huân** có vần **uân**, / Phân tích vần uân, tiếng huân. / Đánh vần, đọc trơn: u - â - nờ - uân /hờ - uân - huân / huân chương- 1 HS đọc, cả lớp đọc: *mùa xuân, ảo thuật,..* - HS làm bài: chuyển từng củ cà rốt về kho vần **uân**, vần **uât**.- 2 HS lên bảng thi xếp cà rốt về kho (nối chữ với hình) đúng, nhanh.- HS báo cáo: Kho vần **uân** chứa 3 củ cà rốt: mùa xuân, tuần tra, khuân vác. Kho vần **uât** chứa 2 củ: ảo thuật, mỹ thuật.- Tiếng xuân có vần uân. Tiếng thuật có vần uât,...- HS đọc: uân, uât, huân chương, sản xuất. - HS đọc vần uân, nói cách viết. - HS viết: uân, uât (2 lần).- HS viết: **huân** (chương), (sản) **xuất** (2 lần).- HS đọc: đi dạo, ngọt ngào, đi chơi xuân, tuấn tú, mải nghe nịnh, ngoạm, lao ra đuổi, mở miệng, bay tót lên, uất quá.- HS đọc nội dung BT./ HS làm bài, viết phương án lựa chọn (a hay b) lên thẻ. /HS giơ thẻ, GV kết luận: Ý b đúng. .- Thực hành: 1 HS hỏi- cả lớp đáp + 1 HS: Gà làm cách nào để thoát thân? + Cả lớp: (Ý b) Lừa cáo mở miệng, bay đi.- HS phát biểu. GV: Bài học khuyên các em cần cảnh giác, đề phòng kẻ xấu phỉnh nịnh, dụ dỗ. Khi gặp nạn, cần thông minh nghĩ cách tự cứu mình. | **\* Dạy HS khuyết tật: - Nhận biết các vần uân, uât; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần uân, uât.** **- Hoàn thành trò chơi: giúp thỏ đem cà rốt về kho tiếng chứa vần uân, vần uât.** **- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc Cáo và gà.** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

 \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Thời gian thực hiện: Thứ Năm ngày 23/2/2023

**Hoạt động trải nghiệm:   MÔI TRƯỜNG QUANH EM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau hoạt động, HS có khả năng: - Biết được những biểu hiện của sự ô nhiễm môi trường sống quanh em.

- Mô tả được sự ô nhiễm môi trường xung quanh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Một vài tranh /hình ảnh về cảnh đẹp quê hương đang bị con người phá hoại.

- Tranh vẽ mô tả hình ảnh trong SGK về những điều nên và không nên làm để giữ gìn cảnh đẹp quê hương.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  |  **1. Hoạt động mở đầu**- Ổn định: - Giới thiệu bài Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu về sự ô nhiễm môi trường xung quanh.**2. Hoạt động cơ bản****Hoạt động 1: *Tìm hiểu môi trường quanh em******\* Cách tiến hành:***- GV hướng dẫn HS quan sát các hình ảnh/tranh về sự ô nhiễm môi trường sống. Khi quan sát, HS cần chú ý những câu hỏi dưới đây:+ Các em nhìn thấy được những gì có trong tranh?+ Những hình ảnh trong tranh có giống với nơi e sinh sống không?+ Em hãy đặt tên cho bức tranh được không?- Sau khi quan sát tranh/hình ảnh, GV tổ chức cho cả lớp chia sẻ theo những câu hỏi gợi ý ở trên. Có thể cho từng HS, hoặc cặp đôi HS chia sẻ. Sau đó thi xem ai là người trả lời nhanh và đúng nhất.\*GV kết luận.- HS biết được những biểu hiện cụ thể về sự ô nhiễm môi trường sống xung quanh.**3. Hoạt động luyện tập và vận dụng.** ***Hoạt động 1: Thực hành bảo vệ môi trường******Cách tiến hành:***- GV yêu cầu HS quan sát bức tranh trong SGK. Sau đó tổ chức cho HS thể hiện những hành động, việc làm mà các em thấy và hiểu được từ hình ảnh đã được quan sát. - GV mời một vài HS đóng vai thể hiện việc làm như các bạn trong tranh. GV có thể hỏi HS “ Rác thì bỏ vào đâu nhỉ? Hoặc :”các bạn nhỏ trong tranh đang làm gì vậy”. Kết thúc hoạt động, cả lướp cùng hát bài Như một hành bi xanh\* Kết luận: - HS được làm quen với một vài công việc hay hoạt động giữ gìn môi trường xung quanh**4. Hoạt động củng cố và nối tiếp:**- GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. | - Lắng nghe- HS quan sát các hình ảnh trong SGK- HS thực hiện trả lời- HS nhận xét- Theo dõi, lắng nghe- HS xem tranh- HS đóng vai- Lắng nghe |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Thời gian thực hiện: Thứ Năm ngày 23/2/2023

**TẬP VIẾT Sau bài: oăn, oăt, uân, uât**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Viết đúng các vần **oăn, oăt, uân, uât**, các từ ngữ **tóc xoăn, chỗ ngoặt, huân chương, sản xuất** - kiểu chữ viết thường, cỡ vừa và cỡ nhỏ. Chữ rõ ràng, đều nét.

**\* Dạy HS khuyết tật: - Viết đúng các vần oăn, oăt, uân, uât, các từ ngữ tóc xoăn, chỗ ngoặt, huân chương, sản xuất - kiểu chữ viết thường, cỡ vừa và cỡ nhỏ. Chữ rõ ràng, đều nét.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ viết vần, từ ngữ trên dòng kẻ ô li.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động mở đầu**Ổn định – Hát**\* Ôn luyện****2. Hoạt động cơ bản****\* Hoạt động 2: Giới thiệu bài**Hôm nay các em viết vần **oăn, oăt, uân, uât****3. Hoạt động luyện tập** ***a) Viết chữ cỡ nhỡ***- GV hướng dẫn HS. Chú ý chiều cao các con chữ, cách nối nét, vị trí đặt dấu thanh (tóc, chỗ ngoặt, sản xuất).- HS viết vào vở Luyện viết. ***b) Viết chữ cỡ nhỏ*** - GV hướng dẫn HS viết các từ ngữ cỡ nhỏ. Chú ý độ cao các con chữ: s cao hơn 1 li; t cao 1,5 li; h, g cao 2,5 li.**4. Củng cố và nối tiếp:**- Tuyên dương những bạn viết nắn nót, sạch đẹp. | - Cả lớp đọc các vần và từ ngữ (cỡ nhỡ): *oăn, tóc xoăn; oăt, chỗ ngoặt, uân, huân chương; uât, sản xuất*- HS nói cách viết từng vần. - Cả lớp đọc các từ ngữ (cỡ nhỏ): *tóc xoăn, chỗ ngoặt, huân chương, sản xuất*- HS viết vào vở Luyện viết; hoàn thành phần Luyện tập thêm. /  | - Viết đúng các vần **oăn, oăt, uân, uât**, các từ ngữ **tóc xoăn, chỗ ngoặt, huân chương, sản xuất** - kiểu chữ viết thường, cỡ vừa và cỡ nhỏ. Chữ rõ ràng, đều nét. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

 \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Thời gian thực hiện: Thứ Năm ngày 23/2/2023

**KỂ CHUYỆN HOA TẶNG BÀ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nghe và nhớ câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.

- Nhìn tranh, có thể kể được từng đoạn câu chuyện.

- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Ai tốt bụng, sẵn sàng giúp đỡ mọi người sẽ được mọi người yêu quý.

**\* Dạy HS khuyết tật: - Nghe và nhớ câu chuyện.**

**- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.**

**- Nhìn tranh, có thể kể được từng đoạn câu chuyện**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu - 6 tranh minh hoạ truyện phóng to.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động mở đầu**Ổn định – Hát**\* Ôn luyện****2. Hoạt động cơ bản****\* Hoạt động 1: Giới thiệu bài**- GV gắn lên bảng tranh minh họa truyện Cây khế.**\* Hoạt động 2: Chia sẻ và khám phá****a) Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện** (gợi ý)***a.1) Quan sát và phỏng đoán***: GV gắn lên bảng 6 tranh minh hoạ chuyện, HS xem tranh, nói tên các con vật trong tranh. (Truyện có voi con, voi mẹ, bác dê, cún con, voi bà). GV: Các em hãy đoán voi con làm gì? (Voi đi cùng dê. Voi lấy nước giếng cho chó con. Chó con tặng hoa cho voi. Voi tặng hoa cho bà).***a.2) Giới thiệu câu chuyện***: Câu chuyện Hoa tặng bà kể về một chú voi con ngoan ngoãn, tốt bụng. Voi đem hoa tặng bà bị ốm nằm ở bệnh viện. Với bà, đó là món quà rất tuyệt vời. Các em hãy lắng nghe để biết vì sao món quà ấy rất tuyệt.**3. Khám phá và luyện tập*****3.1. Nghe kể chuyện***: GV kể chuyện 3 lần với giọng diễn cảm; nhấn giọng, gây. ấn tượng với các từ ngữ thể hiện lòng tốt, sự ân cần, sốt sắng giúp đỡ mọi người của voi. Lời thoại giữa 2 bà cháu vui, ấm áp.-Nội dung câu chuyện:Hoa tặng bà ( SGV – Trang 73)***3.2. Trả lời câu hỏi theo tranh*** a) Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh (có thể lặp lại câu hỏi với 1 HS khác).- GV chỉ tranh 1, hỏi: Đi học về, voi con xin phép mẹ đi đâu? - GV chỉ tranh 2: Trên đường đi, voi con giúp bác dê làm gì? - GV chỉ tranh 3: Voi con giúp cún con làm gì? - GV chỉ tranh 4: Cún con cảm ơn voi thế nào? - GV chỉ tranh 5: Voi bà hỏi gì khi nhận bó hoa voi con tặng? - GV chỉ tranh 6: Nghe voi con kể, voi bà khen cháu thế nào? b) Mỗi HS trả lời các câu hỏi theo 2 tranh. c) 1 HS trả lời câu hỏi theo 6 tranh. ***3.3. Kể chuyện theo tranh*** (GV không nêu câu hỏi) \* GV cất tranh, 1 HS kể chuyện, không có tranh (YC không bắt buộc). ***3.4. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***- Vì sao voi bà nói bó hoa của voi con tặng “thật tuyệt”?- GV chốt lại: Vì đó là bó hoa tặng cho lòng tốt của voi con. Đó là phần thưởng cho lòng nhân hậu chú voi còn nhỏ nhưng đã biết quan tâm, giúp đỡ mọi người.- GV: Câu chuyện giúp em hiểu điều gì? - GV: Em thích nhân vật nào trong truyện?**4. Củng cố và nối tiếp:**- GV khen ngợi những HS kể chuyện hay. - Dặn HS về nhà kể với người thân điều hay em đã học được ở lớp. - Nhắc HS chuẩn bị cho tiết kể chuyện tuần sau | - Mời - HS 1 trả lời câu hỏi theo 3 tranh đầu. HS 2 kể chuyện theo 3 tranh cuối.- Quan sát và lắng nghe- Đi học về, với con xin phép mẹ vào bệnh viện thăm bà.- Trên đường đi, voi con thấy bác dê đang vác một bao gạo nặng. Voi chạy tới xin giúp bác. Voi dùng vòi nhấc bổng bao gạo lên, đưa bao gạo về tận nhà cho bác dê.- Cún đến giếng múc nước, nhỡ tay làm gàu rơi xuống giếng. Voi thò cái vòi dài xuống giếng, vớt gàu lên, lại còn múc một gàu đầy nước cho cún.- Cún cảm động vì lòng tốt của voi, chạy đi hái một bó hoa tươi thắm tặng voi.- Khi nhận bó hoa của voi con tặng, voi bà hỏi: Bó hoa đẹp quá, cháu hái ở đâu vậy?.- Voi bà khen: Cháu còn nhỏ đã biết giúp đỡ mọi người. Bó hoa này thật tuyệt!.- Mỗi HS chỉ 2 tranh, tự KC. - 1 HS chỉ 6 tranh, tự KC. (Có thể lặp lại với HS nữa). - HS trả lời- Voi con tốt bụng, nhân hậu, hiếu thảo. Những người tốt bụng, sẵn sàng giúp đỡ mọi người sẽ được mọi người yêu quý.- HS có thể thích voi con vì voi con tốt bụng, biết quan tâm đến mọi người. Có thể thích voi bà vì voi bà biết động viên, khích lệ cháu làm điều tốt. | **\* Dạy HS khuyết tật: - Nghe và nhớ câu chuyện.** **- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.** **- Nhìn tranh, có thể kể được từng đoạn câu chuyện** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

 \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Thời gian thực hiện: Thứ Sáu ngày 24/2/2023

**Tiếng Việt: ÔN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc Vườn thú.

- Điền đúng vần thích hợp (oăn hay oăm) vào chỗ trống trong 2 câu văn rồi chép lại 2 câu đó đúng chính tả, với cỡ chữ nhỏ.

**\* Dạy HS khuyết tật: - Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc Vườn thú.**

**- Điền đúng vần thích hợp (oăn hay oăm) vào chỗ trống trong 2 câu văn rồi chép lại 2 câu đó đúng chính tả, với cỡ chữ nhỏ.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

- Vở Luyện viết 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động mở đầu**Ổn định – Hát**\* Ôn luyện****2. Hoạt động cơ bản****\* Giới thiệu bài**Hôm nay các em học bài ôn tập**3. Hoạt động luyện tập** **\* Bài tập 1** (Tập đọc)a) GV chỉ hình minh hoạ, giới thiệu bài Vườn thú: Bé Xuân được cô giáo đưa đi thăm vườn thú. Về nhà bé kể cho bà về các con vật ở vườn thú. Các em hãy nghe bé Xuân kể gì. .b) GV đọc mẫu: giọng vui, hồn nhiên.c) Luyện đọc từ ngữ d) Luyện đọc câu - GV: Bài đọc có 11 câu.- GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ.e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (6 câu / 5 câu); thi đọc cả bài.g) Tìm hiểu bài đọc - GV giải thích YC: Thay hình ảnh bằng từ ngữ thích hợp và nói lại... - GV chỉ hình từng con vật, - GV chỉ từng ý a, b, c, d, e, **\* Bài tập 2** (Điền vần **oăn** hay **oăm**? - Tập chép) - GV viết bảng 2 câu văn cần điền vần, cỡ chữ nhỏ; nêu 2 yêu cầu của bài tập. - HS làm BT trong vở Luyện viết 1.- GV chữa bài, nhận xét chung.**4. Hoạt động củng cố và nối tiếp:**- Chỉ cho HS đọc 1 số từ ngữ.- Tuyên dương những HS tích cực. | - HS đọc (cá nhân, cả lớp): vườn thú, ngoạm, tảng thịt bò, quất lên lưng, chích chòe, nhảy thoăn thoắt, mỏ khoằm, trắng toát.- Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp). Có thể đọc liền câu 3 và 4 kể về con hổ; câu 5 và 6 kể về con voi..cả lớp: a) con hổ, b con voi,... cả lớp thay hình ảnh bằng từ ngữ, hoàn thành câu: a) Con hổ rất tham ăn. b) Con voi lấy đuôi quất lên lưng. c) Chích chòe nhảy thoăn thoắt. d) Con vẹt có cái mỏ khoằm. e) Con công trắng toàn thân trắng toát. - (Chữa bài) 1 HS điền vần trên bảng: Vẹt có cái mỏ khoằm. Chích chòe nhảy thoăn thoắt. / Cả lớp đọc 2 câu đã hoàn chỉnh; sửa bài (nếu làm sai).- Cả lớp chép vào vở Luyện viết 1 hai câu văn; tổ chữ **V, C** hoa đầu câu. - HS viết xong, tự soát lỗi; đổi bài với bạn, sửa lỗi.  | **\* Dạy HS khuyết tật: - Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc Vườn thú.****- Điền đúng vần thích hợp (oăn hay oăm) vào chỗ trống trong 2 câu văn rồi chép lại 2 câu đó đúng chính tả, với cỡ chữ nhỏ.** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

 \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Thời gian thực hiện: Thứ Sáu ngày 24/2/2023

**HĐTN: CHUẨN BỊ HỘI DIỄN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Biết chia sẻ với các bạn trong việc chuẩn bị tham gia hội diễn của lớp.

- Tích cực tham gia các tiết mục trong hội diễn của lớp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Ổn định: Hát****2. Các bước sinh hoạt:****2.1. Nhận xét trong tuần 23**- GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:*+Đi học chuyên cần:**+ Tác phong , đồng phục .**+ Chuẩn bị bài,* *đồ dùng học tập* *+ Vệ sinh.* + GV nhận xét qua 1 tuần học:*\* Tuyên dương:* - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.*\* Nhắc nhở:*- GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.***2.2. Phương hướng tuần 24***- Thực hiện dạy tuần 24, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.*-* Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.- Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới. ***2.3. Kế hoạch tổ chức hội diễn văn nghệ*** - GV thông báo kế hoạch tổ chức hội diễn của nhà trường, hướng dẫn HS trao đổi, chia sẻ theo tổ hoặc nhóm nhỏ nội dung:+ Nhóm mình sẽ tham gia các.tiết mục văn nghệ nào?+ Giới thiệu các bạn tham gia đội văn nghệ của lớp.+ Đội văn nghệ của lớp sẽ luyện tập như thế nào? Thời gian, đại điểm luyện tập?+ những việc cần GV hỗ trợ- GV/ lớp trưởng+ Công bố danh sách HS tham gia đội văn nghệ của lớp.+ Các tiết mục văn nghệ của lớp sẽ tham gia hội diễn và phân công HS thực hiện | - HS hát- Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần.+ Trưởng ban nề nếp báo cáo kết quả theo dõi + Trưởng ban học tập báo cáo kết quả theo dõi + Trưởng  văn nghệ báo cáo kết quả theo dõi + Trưởng ban vệ sinh báo cáo kết quả theo dõi - Lắng nghe để thực hiện.- Lắng nghe để thực hiện.- Lắng nghe để thực hiện.- HS tham gia trò chuyện- HS lắng nghe |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

 \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*